

Số: /BC-STC

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình giá thị trường Tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Cục Quản lý giá

Thực hiện Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; Thông tư số 44/2025/TT-BTC ngày 18/6/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

Sở Tài chính kính báo cáo tình hình giá thị trường tháng 4 năm 2026 trên địa bàn thành phố Đồng Nai như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG, GIÁ CẢ THÁNG 4 NĂM 2026

1. Mặt bằng giá thị trường và diễn biến mặt bằng giá thị trường hàng hóa, dịch vụ

Tình hình trong tháng 4/2026 vừa qua nói chung có xu hướng tăng ở một số nhóm hàng hóa chủ yếu do ảnh hưởng của giá xăng, dầu trong tháng có xu hướng tăng; các mặt hàng vật liệu xây dựng tăng, chi phí vận chuyển tăng; các mặt hàng công nghiệp thực phẩm chế biến tăng do các công ty, cửa hàng, siêu thị kết thúc chương trình khuyến mãi, giảm giá...

Thị trường tháng 4/2026 chịu sức ép lạm phát, chủ yếu từ chi phí đầu vào và năng lượng làm giá cả nhiều hàng hóa chịu áp lực lớn trên thị trường. Người tiêu dùng cần lưu ý điều chỉnh chi tiêu, đặc biệt đối với các nhóm hàng nhà ở và ăn uống.

CPI tháng 4/2026 tăng 0,93% so với tháng trước, tăng 6,02% so với cùng kỳ năm trước. Trong 11 nhóm hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng chính có 09 nhóm hàng hóa có chỉ số tăng; có 02 nhóm hàng hóa có chỉ số giảm gồm: giao thông giảm 0,81% (tác động CPI chung giảm 0,1%); thông tin và truyền thông giảm 0,16%. Hàng hóa dịch vụ ăn uống trong tháng 4/2026 tăng 0,58% so với cùng kỳ tháng trước; thiết bị đồ dùng gia đình tăng 0,55%; đồ uống thuốc lá tăng 0,06%; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt tăng 3,64%; hàng hóa, dịch vụ khác tăng 0,2%; thuốc, dịch vụ y tế tăng 0,16%; văn hóa, giải trí tăng 0,06%.

Mặt hàng lương thực phẩm giảm 0,11% so với tháng trước, chủ yếu do gạo tẻ thường giảm 0,49%; gạo tẻ ngon giảm 1,28%; khoai giảm giảm 1,88%. Nguyên nhân do đang vào vụ thu hoạch lúa Đông Xuân nên nguồn cung dồi dào, trong khi giá lúa gạo xuất khẩu ổn định nhu cầu trong nước không cao, từ đó làm cho giá gạo trong tháng 4 giảm so với tháng trước. Các mặt hàng lương thực chế biến như miến, bánh phở tăng 1,45% so với tháng trước.

Mặt hàng thực phẩm tăng 0,06% so với tháng trước, chủ yếu thịt bò tăng 0,43%, thịt gia súc đông lạnh tăng 2,22%, thịt gà tăng 0,97%, thịt gia cầm khác tăng 0,43%, thịt gà đông lạnh tăng 4,18%, giò, chả tăng 0,64%, thịt hộp tăng 1,87%, dầu thực vật tăng 0,67%, thủy hải sản tươi sống khác tăng 0,87%, nước chấm, nước mắm tăng 1,56%. Mặc dù giá cả xăng dầu trong tháng 4 vẫn còn ở mức cao làm chi phí vận chuyển tăng, đồng thời các cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra, kiểm soát các mặt hàng này làm nhiều cửa hàng nhỏ, lẻ hạn chế bán do không đủ vệ sinh an toàn thực phẩm trong khi nhu cầu tiêu dùng tăng làm cho giá các mặt hàng này tăng theo.

Chỉ số giá vàng trong nước bình quân tháng 4/2026 giảm 7,65% so với tháng trước, tăng 53,09% so với cùng kỳ năm trước, so với tháng 12/2025 tăng 10,64%. Đầu tháng 4 giá vàng tăng mạnh, vào khoảng 173 triệu đồng/lượng – 176 triệu đồng/lượng, đến cuối tháng 4 giảm mạnh từ 7 triệu đồng/lượng – 10 triệu đồng/lượng.

Chỉ số giá đô la Mỹ trong nước bình quân tháng 4/2026 tăng khoảng 0,17% so với tháng trước và tăng 1,86% so với cùng kỳ năm trước, so với tháng 12/2025 giảm 0,18%.

Chỉ số giá điện sinh hoạt tháng 4/2026 tăng 1,56% do thời tiết nắng nóng, nhu cầu tiêu thụ điện năng tăng cao; giá nước sinh hoạt giảm 1,11% so với tháng trước.

2. Nguyên nhân biến động mặt bằng giá thị trường, giá hàng hóa, dịch vụ:

Trong tháng 4/2026 vừa qua, đối với mặt hàng rau, củ, quả nguồn cung ổn định tuy nhiên giá cả tăng nhẹ, sau dịp nghỉ lễ dài ngày vừa qua nhu cầu tiêu dùng người dân tăng, có nhiều mặt hàng thiết yếu có nhiều biến động do thời tiết và dịp nghỉ lễ Giỗ tổ Hùng Vương, Ngày giải phóng 30/4 và Quốc tế Lao động 1/5 vừa qua.

Giá heo hơi tăng so với cùng kỳ tháng trước, tăng 2.000 đồng/kg. Hiện nay thị trường heo hơi giá ghi nhận cao nhất ở mức 70.000 đồng/kg. Nguyên nhân do nhu cầu tiêu thụ tăng cao nhu cầu dịch vụ ăn uống, đồng thời chi phí vận chuyển là nguyên nhân ảnh hưởng đến giá heo hơi tăng cao.

3. Thống kê mức giá hàng hóa, dịch vụ: Theo phụ lục đính kèm

II. DIỄN BIẾN GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA MỘT SỐ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THIẾT YẾU

1. Mặt bằng giá thị trường và diễn biến mặt bằng giá thị trường hàng hóa, dịch vụ

- Giá heo hơi tăng ở mức khoảng 69.000 đồng/kg - 70.000 đồng/kg.
- Giá gà trắng ổn định ở mức 31.000 đồng/kg.
- Giá gà lông màu gần ngày ổn định ở mức 47.000 đồng/kg – 49.000 đồng/kg.
- Giá tôm thẻ chân trắng tăng nhẹ mức giá từ 220.000 đồng/kg - 250.000 đồng/kg.
- Giá thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản tại các công ty sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn thành phố duy trì ở mức ổn định.

2. Hàng phi lương thực, thực phẩm

a) Bia, nước giải khát:

Giá bia, nước giải khát ổn định so với tháng trước, trong đó: Bia Sài Gòn Lager giá 330ml giá 270.000 đồng/thùng, bia Tiger bạc 330ml giá 405.000 đồng/thùng, bia Heineken Silver 330ml giá 450.000 đồng/thùng, nước ngọt CocaCola lon 320ml giá 235.000 đồng/thùng.

b) Thuốc phòng và chữa bệnh:

- Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế công lập thực hiện theo mức giá quy định tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân: điện tim cấp cứu tại giường 65.000 đồng; Glucose máu 28.000 đồng; Hào châm 100.000 đồng; chụp X-quang cột sống thẳng nghiêng 140.000 đồng.

- Giá thuốc gồm mặt hàng kê khai trong nước là 373 mặt hàng (Augbidil H/10: 33.600 đồng; Cefotaxone 1g H/10: 13.125 đồng; Ceftrione 1g H/10: 14.700 đồng; Bifumax 750 H/10: 21.000 đồng; Ciprofloxacin 0,3% H/1: 5.565 đồng, ...) mặt hàng kê khai xuất khẩu là 247 mặt hàng (Glucose 5%: 0,7 USD; Sodium Chloride 0,9%: 0,63 USD; Lactated Ringer's: 0,66 USD, ...).

3. Nhiên liệu chất đốt

a) Xăng, dầu: Trong tháng 4/2026, giá xăng, dầu trên địa bàn tỉnh tăng so với cùng kỳ tháng trước, nguyên nhân theo sự biến động của giá xăng dầu thế giới. Giá xăng RON 95 III là 23.330 đồng/lít; xăng E5 RON 92 là 22.260 đồng/lít; dầu Diesel là 27.220 đồng/lít.

b) Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG): Giá gas tháng 4/2026 biến động mạnh theo xu hướng thế giới, giá gas tháng 4 tăng khoảng 95.000 đồng/bình đối với bình 12kg, ở mức 654.500 đồng/bình; đối với bình 45kg tăng 356.500 đồng/bình, ở mức 2.455.500 đồng/bình. Đối với thương hiệu gas Petrolimex hiện nay giá 598.104 đồng/bình 12kg; thương hiệu Sài Gòn Petro vẫn giữ nguyên niêm yết giá ở mức 654.500 đồng/bình 12kg và 2.455.000 đồng/bình 45kg.

4. Vật liệu xây dựng

Giá vật liệu xây dựng có xu hướng tăng so với tháng trước, Xi măng Hà Tiên 1 PCB40 (bao 50kg) dao động từ 89.000 đồng/bao – 100.000 đồng/bao.

5. Vật tư nông nghiệp

a) Giá phân bón tại các cửa hàng buôn bán trên địa bàn thành phố đang có xu hướng giảm, cụ thể: Phân Đạm Phú Mỹ giá cao nhất thu thập được 13.200 đồng/kg; Phân DAP Hồng Hà giá dao động 21.000 đồng/kg – 22.000 đồng/kg; Phân Lân Văn Điển dao động trung bình khoảng 6.200 đồng/kg; Phân NPK Đầu Trâu giá dao động từ 19.000 đồng/kg – 19.600 đồng/kg.

b) Thị trường thuốc bảo vệ thực vật hiện nay cơ bản ổn định, nguồn cung dồi dào, đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp. Xu hướng sử dụng chuyển dần sang các sản phẩm sinh học, thân thiện môi trường; đồng thời cơ quan quản lý tăng cường rà soát, loại bỏ các hoạt chất độc hại và siết chặt quản lý kinh doanh, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

6. Giá vàng và đôla Mỹ

a) Vàng:

Vào ngày 29/4/2026, theo khảo sát thị trường giá vàng trên địa bàn thành phố Đồng Nai:

- Vàng SJC: Mua vào 163,6 triệu đồng/lượng; Bán ra 166,6 triệu đồng/lượng (giảm 8,3 triệu đồng cả chiều mua vào và bán ra).

- Vàng 9999 (nhẫn): Mua vào 163,1 triệu đồng/lượng; Bán ra 166,1 triệu đồng/lượng (giảm 8,6 triệu đồng cả chiều mua vào và bán ra).

b) Giá Đôla Mỹ:

Tỷ giá bán đồng Đôla Mỹ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (công bố tại trang web của Ngân hàng), giá đang mua bán như sau:

- Mua TM : 26.108 đồng/USD.
- Mua CK : 26.108 đồng/USD.
- Bán : 26.368 đồng/USD.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ

1. Tình hình triển khai chương trình bình ổn thị trường

Trong tháng 4/2026 không phát sinh chương trình bình ổn giá, Sở Tài chính thường xuyên phối hợp với Sở Công Thương, Chi cục QLTT,... tăng cường quản lý giá thị trường, bình ổn giá cả thị trường trên địa bàn thành phố đảm bảo hiệu quả công tác quản lý giá.

2. Công tác định giá trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Thực hiện định giá tài sản trong tố tụng hình sự theo yêu cầu đã tiếp nhận của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

3. Tình hình thực hiện kê khai giá

Thực hiện theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá và các Thông tư hướng dẫn có liên quan, các Sở, ban, ngành tiếp nhận kê khai giá theo ngành, lĩnh vực quản lý trên địa bàn thành phố được phân công tại Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) đã ban hành Thông báo số 65/TB-UBND ngày 22/02/2026 công bố danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

4. Công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về giá

Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026, nhằm đánh giá thực trạng chấp hành các quy định pháp luật về giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá của cơ quan, tổ chức, đơn vị, kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm (nếu có), nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật về giá; căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành về giá, thẩm định giá.

IV. DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

1. Nguồn thực phẩm nông sản như thịt heo, thịt gà, thủy sản, sản phẩm từ thịt, gạo, rau, củ, quả,... dự báo sản lượng và giá có khả năng giữ mức ổn định trong tháng 4 năm 2026.

2. Giá thức ăn chăn nuôi, thủy sản tháng 5 năm 2026 có xu hướng ổn định do nhu cầu người tiêu dùng giảm vào các dịp các ngày rằm và dịp Lễ Vu Lan trong thời gian tới.

3. Dự báo tháng 5 năm 2026, giá heo hơi trên địa bàn thành phố có khả năng giảm nhẹ do sắp vào dịp các ngày rằm và dịp Lễ Vu Lan khả năng nhu cầu người dân tiêu thụ không cao, giao động khoảng ở mức 66.000 đồng/kg – 68.000 đồng/kg.

V. GIẢI PHÁP, BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ

Để góp phần ổn định giá cả hàng hóa, trong thời gian tới, Sở Tài chính tiếp tục tham mưu UBND thành phố chỉ đạo các Sở quản lý ngành, lĩnh vực (Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo), địa phương trong phạm vi, lĩnh vực quản lý theo dõi sát diễn biến thị trường, chủ động kịp thời có giải pháp nhằm đảm bảo bình ổn thị trường đối với những hàng hóa, dịch vụ thiết yếu; thực hiện đầy đủ nội dung trong quản lý giá thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý.

Sở Tài chính kính báo cáo Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính) tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thành phố (b/c);
- VP Thành ủy;
- Thống kê thành phố Đồng Nai;
- Sở NN&MT;
- Sở Công Thương;
- Sở Xây dựng;
- Sở Y tế;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở KH&CN;
- Sở VH TT & DL;
- UBND các xã, phường;
- Ban chỉ đạo 389/ĐP thành phố Đồng Nai;
- Lưu VT, GCS.

<LV.Thích-Hang 4.5.26>

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Đức Thắng